



gōng jīn

公斤

Measure Word · kilogram

Example Sentences

zhè ge píng guǒ zhòng yī gōng jīn

这个苹果重一公斤。

This apple weighs one kilogram.

zhè ge xī guā yǒu wǔ gōng jīn zhòng

这个西瓜有五公斤重。

This watermelon weighs five kilograms.

zhè dài miàn fěn dà yuē yǒu shí gōng jīn gòu yòng yí gè yuè le

这袋面粉大约有十公斤，够用一个月了。

This bag of flour weighs about ten kilograms, enough for a month.

Trace each character, then write the word on your own.

公	公	公	公	公	公	公								
斤	斤	斤	斤	斤	斤	斤								